

# Andrew P. Hill High School

## 2022 Phiếu báo cáo trách nhiệm của nhà trường



### Thông tin chung về Phiếu báo cáo trách nhiệm của nhà trường (SARC)

#### Tổng quan



Theo luật tiểu bang, trước ngày 1 tháng Hai hàng năm, tất cả trường học ở California đều phải công bố Phiếu Báo cáo Trách nhiệm Giải trình của Trường học (SARC). SARC có thông tin về tình trạng và kết quả hoạt động của mỗi trường học công lập tại tiểu bang California. Theo Công thức Tài trợ cho việc Kiểm soát tại Địa phương (LCFF), tất cả các Cơ quan Giáo dục Địa phương (LEA) phải chuẩn bị một Kế hoạch Kiểm soát và Trách nhiệm Giải trình tại Địa phương (LCAP) mô tả phương thức để các trường đạt được các mục tiêu dự định hàng năm cụ thể cho tất cả các học sinh, với các hoạt động cụ thể nhằm giải quyết các ưu tiên của địa phương và tiểu bang. Ngoài ra, dữ liệu được báo cáo trong LCAP phải nhất quán với dữ liệu được báo cáo trong SARC.

Để biết thêm thông tin về các yêu cầu của SARC và xem các báo cáo của năm trước, vui lòng truy cập trang web của Sở Giáo Dục California (California Department of Education – CDE) tại <https://www.cde.ca.gov/ta/ac/sa/>.

Để biết thêm thông tin về LCFF hoặc LCAP, xem Trang Mạng về LCFF của CDE <https://www.cde.ca.gov/fg/aa/lc/>

Để biết thêm thông tin về trường, phụ huynh/người giám hộ và cư dân trong cộng đồng có thể liên lạc với hiệu trưởng hoặc văn phòng học khu.

#### DataQuest



DataQuest là một công cụ trực tuyến trên DataQuest của CDE tại <https://dq.cde.ca.gov/dataquest/> có thông tin bổ sung về trường học này và dữ liệu so sánh trường với học khu và quận. trang Web Cụ thể thì DataQuest là một hệ thống năng động cung cấp báo cáo về giải trình trách nhiệm (ví dụ: dữ liệu kiểm tra, học sinh ghi danh, tỷ lệ tốt nghiệp trung học, tỷ lệ bỏ học, học sinh ghi danh khóa học, nhân sự, và dữ liệu về người học tiếng Anh).

#### Bảng Thông Tin Khối Trường Học tại California



Bảng Thông Tin Khối Trường Học tại California (Bảng Thông Tin) <https://www.caschooldashboard.org/> nêu chi tiết về trách nhiệm và chủ trương không ngừng cải thiện chất lượng đồng thời cung cấp các thông tin về cách thức mà các LEA và các trường đáp ứng được nhu cầu của tất cả học viên. Bảng Thông Tin có cả các báo cáo về hiệu quả hoạt động của các LEA, các trường và các nhóm học viên dựa trên các tham số cấp địa phương và cấp tiểu bang nhằm hỗ trợ nhận biết các điểm mạnh, thách thức và điểm yếu cần khắc phục.

#### Truy cập Internet

Truy cập Internet sẵn có tại các thư viện công cộng và các địa điểm khác mở cửa cho công chúng (ví dụ: Thư viện Tiểu bang California). Truy cập Internet tại thư viện và nơi công cộng thường được cung cấp theo quy tắc người tới trước dùng trước. Những hạn chế về sử dụng khác có thể bao gồm giờ hoạt động, khoảng thời gian có thể dùng máy trạm (phụ thuộc vào tình trạng sẵn có), loại chương trình phần mềm sẵn có trên máy trạm, và khả năng in tài liệu.

## Thông tin liên hệ của nhà trường năm học 2022 – 2023

Tên Trường	Andrew P. Hill High School (Trung Học Phổ Thông Andrew P. Hill)
Đường	3200 Senter Rd.
Thành phố, Tiểu bang, Mã số Zip	San Jose, CA, 95111
Số điện thoại	408.347.4100
Hiệu trưởng	Jose H Hernandez
Địa chỉ Email	hernandezjo@esuhsd.org
Trang web của Trường	<a href="http://andrewphill.esuhsd.org/">http://andrewphill.esuhsd.org/</a>
Mã Học khu của Quận (CDS)	43694274332995

## Thông tin liên hệ của học khu năm học 2022-23

Tên Học khu	East Side Union High School District (Học Khu Trung Học Phổ Thông East Side Union)
Số điện thoại	(408) 347-5000
Giám đốc	Glenn Vander Zee
Địa chỉ Email	vanderzeeg@esuhsd.org
Website Học khu	www.esuhsd.org

## Tổng quan trường học năm học 2022-23

Andrew P. Hill High School là một trong những trường trung học phổ thông đầu tiên được thành lập ở East Side Union High School District, cũng là trường duy nhất của học khu có dạy Chương trình Văn bằng Tú tài Quốc tế (IB) và Chương trình Tú tài Quốc tế cấp Trung học. Chương trình liên quan đến nghề nghiệp của IB cho học sinh khối 11 và 12 đang trong quá trình được triển khai để bắt đầu vào năm học 2023 – 24. Tất cả học sinh khối 9, 10 đều thuộc Chương trình IB cấp Trung học với trọng tâm vào việc phát triển Cách tiếp cận Kỹ năng Học tập: kỹ năng giao tiếp, tự quản lý, xã hội, nghiên cứu và tư duy. Cộng đồng sinh viên nói hơn mười ba ngôn ngữ và có xuất thân văn hoá đa dạng. Andrew P. Hill High School hỗ trợ học sinh sẵn sàng cho đại học và nghề nghiệp bằng cách đưa ra nhiều lộ trình/học viện: Lộ trình Sức khoẻ và Y khoa, Học viện Đa phương tiện, Học viện Thực tập Pháp lý và Chương trình Puente.

Sứ mệnh và nhiệm vụ của Andrew P. Hill High School; Mọi học sinh AHHS đều tốt nghiệp với tinh thần đam mê theo đuổi tri thức lâu dài, có trách nhiệm, đạo đức cùng năng lực để nhận được bằng cấp sau trung học, thành công trong lực lượng lao động thế kỷ 21 và tham gia chung tay hỗ trợ một xã hội toàn cầu đa dạng theo cách có hiệu quả.

## Giới thiệu về Trường

### Ghi danh học sinh theo cấp lớp năm học 2022 – 2023

Cấp lớp	Số Học sinh
Lớp 9	411
Lớp 10	432
Lớp 11	431
Lớp 12	511
Tổng Ghi danh	1,785

## Ghi danh học sinh theo cấp lớp năm học 2022-23

Nhóm Học sinh	Phần trăm trong Tổng Ghi danh
Nữ	49.1
Nam	50.8
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người	0.1
Người gốc Châu Á	29.9
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc	2.4
Người Phi Luật Tân	3.6
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La	60.2
Người Hawaii hoặc Người Các Đảo	0.4
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng	1.1
Người Da trắng	2.4
Sinh viên nói tiếng anh	32.1
Những đứa con nuôi	0.4
Vô gia cư	6.0
Nhập cư	0.4
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội	64.6
Học sinh khuyết tật	13.3

### A. Điều kiện Học tập

#### Ưu tiên của Tiểu bang: Cơ bản

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Cơ Bản (Ưu Tiên 1):

- Mức độ giáo viên được phân công một cách thích đáng và có đầy đủ bằng cấp chứng nhận trong lĩnh vực môn học và với các học sinh họ đang giảng dạy;
- Học sinh được tiếp cận với các tài liệu giảng dạy theo tiêu chuẩn; và
- Cơ sở vật chất của trường được giữ gìn tốt.

## Sự chuẩn bị và phân công giáo viên năm học 2020 – 2021

Ủy quyền/bổ nhiệm	Trường Số	Trường Phần trăm	Học khu Số	Học khu Phần trăm	Tiểu bang Số	Tiểu bang Phần trăm
Có đầy đủ chứng chỉ (sơ bộ hoặc rõ ràng) đối với việc phân công môn học và học sinh (được bổ nhiệm thích hợp)	68.70	81.63	943.40	83.36	228366.10	83.12
Người có chứng chỉ thực tập được bổ nhiệm thích hợp	1.80	2.14	29.90	2.65	4205.90	1.53
Giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai (“không hiệu quả” theo ESSA)	4.00	4.75	71.80	6.35	11216.70	4.08
Giáo viên có chứng chỉ được bổ nhiệm ngoài chuyên môn (“ngoài lĩnh vực” theo ESSA)	1.90	2.35	25.50	2.25	12115.80	4.41
Không xác định	7.60	9.13	60.90	5.39	18854.30	6.86
<b>Tổng số vị trí giảng dạy</b>	<b>84.20</b>	<b>100.00</b>	<b>1131.80</b>	<b>100.00</b>	<b>274759.10</b>	<b>100.00</b>

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái Tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian. Ngoài ra, bổ nhiệm có nghĩa là một vị trí mà nhà giáo dục được chỉ định dựa trên bối cảnh, môn học và cấp lớp. Ủy quyền bao gồm các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

## Sự chuẩn bị và phân công giáo viên năm học 2021 – 2022

Ủy quyền/bổ nhiệm	Trường Số	Trường Phần trăm	Học khu Số	Học khu Phần trăm	Tiểu bang Số	Tiểu bang Phần trăm
Có đầy đủ chứng chỉ (sơ bộ hoặc rõ ràng) đối với việc phân công môn học và học sinh (được bổ nhiệm thích hợp)						
Người có chứng chỉ thực tập được bổ nhiệm thích hợp						
Giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai (“không hiệu quả” theo ESSA)						
Giáo viên có chứng chỉ được bổ nhiệm ngoài chuyên môn (“ngoài lĩnh vực” theo ESSA)						
Không xác định						
<b>Tổng số vị trí giảng dạy</b>						

Lưu ý: Dữ liệu trong bảng này dựa trên trạng thái Tương đương toàn thời gian (FTE). Một FTE bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian. Ngoài ra, bổ nhiệm có nghĩa là một vị trí mà nhà giáo dục được chỉ định dựa trên bối cảnh, môn học và cấp lớp. Ủy quyền bao gồm các dịch vụ mà nhà giáo dục được phép cung cấp cho học sinh.

**Giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai (được xem là “không hiệu quả” theo ESSA)**

Ủy quyền/bổ nhiệm	2020-21	2021-22
Giấy phép và Chứng nhận miễn trừ	1.60	
Bổ nhiệm sai	2.30	
Các vị trí còn trống	0.00	
<b>Tổng số giáo viên không có chứng chỉ và được bổ nhiệm sai</b>	<b>4.00</b>	

**Giáo viên có chứng chỉ được bổ nhiệm ngoài chuyên môn (được xem là “ngoài lĩnh vực” theo ESSA)**

Chỉ báo	2020-21	2021-22
Giáo viên có chứng chỉ được ủy quyền trên Giấy phép hoặc Chứng nhận	0.50	
Tùy chọn phân công nội bộ	1.30	
<b>Tổng số giáo viên ngoài chuyên môn</b>	<b>1.90</b>	

**Phân công lớp học năm học 2021 – 2022**

Chỉ báo	2020-21	2021-22
<b>Bổ nhiệm sai cho Học sinh học Anh ngữ</b> (tỷ lệ phần trăm của tất cả các lớp có học sinh Anh ngữ do giáo viên không đúng chuyên môn giảng dạy)	6.70	
<b>Không có chứng chỉ, giấy phép hoặc ủy quyền để giảng dạy</b> (tỷ lệ phần trăm của tất cả các lớp do giáo viên không có hồ sơ về giấy phép giảng dạy đứng lớp)	14.20	

Lưu ý: Để biết thêm thông tin, hãy tham khảo trang web Cập nhật Định nghĩa Vốn chủ sở hữu của Giáo viên tại <https://www.cde.ca.gov/pd/ee/teacherequitydefinitions.asp>

**Chất lượng, tình trạng cập nhật, tình trạng sẵn có của sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy khác**

Andrew Hill High School sử dụng sách giáo khoa và tài liệu giảng dạy đã được Ủy ban Chính sách Giảng dạy (IPC) của chúng tôi phê duyệt và thông qua. Các học liệu này chủ yếu hỗ trợ trực tiếp việc giảng dạy dựa trên tiêu chuẩn, phù hợp với việc giảng dạy cốt lõi chung.

Tháng, năm thu thập dữ liệu

November 2022

Môn học	Sách Giáo Khoa và Tài Liệu Giảng Dạy/Năm Phê chuẩn	Từ Đợt Phê chuẩn Gần nhất?	Phần trăm Học sinh Không Có Sách Được Chỉ định Riêng
<b>Độc/Ngôn ngữ</b>	Tiếng Anh 1 – “Ngôn ngữ Văn học” Lớp 9, McDougal Littell 2002 Tiếng Anh 2 – “Ngôn ngữ Văn học” Lớp 10, McDougal Littell 2002 Tiếng Anh 3 – Góc nhìn của tôi: Văn học Mỹ//Pearson ERWC (Tiếng Anh 4) – Khoá Đọc Viết Văn thuyết minh 2021	Có	0%

<b>Toán</b>	<p>Tiêu chuẩn Tiểu bang Kiến thức Cốt lõi Chung (CCSS) Toán 1 – “Ý tưởng Lớn Toán học Tích hợp I”, Big Ideas Learning, LLC 2016</p> <p>CCSS Toán 2 – “Ý tưởng Lớn Toán học Tích hợp II”, Big Ideas Learning, LLC 2016</p> <p>CCSS Toán 3 – “Ý tưởng Lớn Toán học Tích hợp III”, Big Ideas Learning, LLC 2016</p> <p>Giải tích Toán học – “Giải tích sơ bộ với các giới hạn, Một cách tiếp cận bằng đồ thị 8e” Cengage Learning 2020, 2015</p> <p>Bồi dưỡng Nâng cao (AP) Giải tích AB – “Giải tích 11e” Cengage Learning 2018, 2014</p> <p>AP Giải tích BC – “Giải tích 11e” Cengage Learning 2018, 2014</p> <p>IB Toán AA HL 1 – “Toán học cho Bằng IB: Phân tích và Cách tiếp cận Cấp Tiêu chuẩn (SL)”, Hodder 2019</p> <p>IB Toán AA HL 2 – “Toán học cho Bằng IB: Phân tích và Cách tiếp cận Cấp Nâng cao (HL)”, Hodder 2019</p> <p>IB Toán AI HL 1 – “Toán học cho Bằng IB: Ứng dụng và Diễn giải SL”, Hodder 2019</p> <p>IB Toán AI HL 2 – “Toán học cho Bằng IB: Ứng dụng và Diễn giải HL”, Hodder 2019</p>	Có	0%
<b>Khoa học</b>	<p>Tiêu chuẩn Khoa học cho Thế hệ tiếp (NGSS) cho môn Sinh học – Trái đất Sống – Sách điện tử CK-12</p> <p>NGSS Hóa học trong Hệ thống Trái đất – Sách điện tử CK-12</p> <p>NGSS Vật lý Vũ trụ – Sách điện tử CK-12</p> <p>Khoa học Pháp y – Giới thiệu thực hành về khoa học pháp y, 2014</p> <p>Giải phẫu và Sinh lý học theo Hole – 9th edition, McGraw Hill</p> <p>IB Sinh học – Oxford Press 2014</p> <p>IB Hóa học – Oxford Press 2014</p> <p>IB Vật lý – Oxford Press 2014</p> <p>Khoa học Vật lý Cơ bản – Sách điện tử CK-12</p> <p>Trái đất sống Cơ bản – Sách điện tử CK-12</p>	Có	0%
<b>Lịch sử-Khoa học Xã hội</b>	<p>Lịch sử Thế giới – “Lịch Sử Thế Giới Hiện Đại” McDougal-Littell 2003</p> <p>Lịch sử Mỹ – “Tầm nhìn nước Mỹ” Glencoe/McGraw Hill 2006</p> <p>Chính quyền Hoa kỳ – “Chính phủ đang sống! Quyền lực, Chính trị và Quý vị” TCI 2014</p> <p>Kinh tế học – “Kinh tế học đang sống! Quyền được chọn” TCI 2015</p> <p>AP Lịch sử Thế giới – “Trái đất và Con người Phiên bản AP” Cengage Learning 2018</p> <p>AP Lịch sử Mỹ – “Lịch sử Mỹ cho Khóa học AP” Bedford 2014</p> <p>AP Chính phủ – “Chính phủ ở nước Mỹ” Pearson Learning 2014</p> <p>AP Kinh tế Vĩ mô/Vi mô – “Kinh tế học (AP)” McGraw Hill 2014</p> <p>AP Địa lý Con người – AP Địa lý Con người – “Địa lý Con người cho Khóa học AP” 2022</p> <p>AP Tâm lý học – “Tâm lý học AP” Worth 2015</p> <p>Địa lý Thế giới – “Địa lý đang sống!” TCI 2011</p>	Có	0%
<b>Ngoại ngữ</b>	Sách giáo khoa và Tài liệu giảng dạy của nhà trường theo chuẩn và được áp dụng chính thức	Có	0%

<b>Giáo dục Sức khỏe</b>	Sách giáo khoa và Tài liệu giảng dạy của nhà trường theo chuẩn và được áp dụng chính thức	Có	0%
<b>Nghệ thuật Hình Ảnh và Trình Diễn</b>	Sách giáo khoa và Tài liệu giảng dạy của nhà trường theo chuẩn và được áp dụng chính thức	Có	0%
<b>Dụng Cụ tại Phòng Thí Nghiệm Khoa Học (lớp 9-12)</b>	Phòng thí nghiệm khoa học được trang bị đầy đủ	Có	0%

## Tình Trạng Cơ Sở Vật Chất của Trường và Kế Hoạch Cải Tiến

### Tổng quan

Học khu nỗ lực để đảm bảo rằng tất cả trường học đều sạch sẽ, an toàn và hoạt động bình thường. Để hỗ trợ nỗ lực này, Học khu sử dụng một công cụ khảo sát cơ sở vật chất được State of California Office of Public School Construction (Văn phòng Xây dựng trường công lập của Tiểu bang California) xây dựng. Kết quả của cuộc khảo sát có sẵn ở văn phòng nhà trường và văn phòng học khu.

### Quy trình và Lịch Vệ sinh

Hội đồng Chương quản của học khu đã thông qua tiêu chuẩn vệ sinh cho toàn bộ trường học trong học khu. Hàng ngày, bộ phận Lãnh đạo làm việc với nhân viên giám hộ để xây dựng lịch vệ sinh nhằm bảo đảm giữ gìn vệ sinh và an toàn cho trường học.

### Ngân sách Bảo trì Trì hoãn

Học khu tham gia Chương trình Bảo trì Trì hoãn cho Trường học của Tiểu bang, cấp quỹ đối ứng cấp tiểu bang trên cơ sở từng đồng, để hỗ trợ chi phí cho các học khu bảo trì hoặc thay mới đáng kể các cấu phần của tòa nhà trong trường hiện có. Thông thường, điều này bao gồm phần mái nhà, hệ thống ống nước, sửa âm, điều hoà không khí, điện, sơn nội thất hoặc ngoại thất và hệ thống sàn nhà.

### Thời gian đi vào hoạt động của các tòa nhà trong trường

Cơ sở chính của nhà trường được xây vào năm 1956. Trong những năm trước, các tòa nhà di động đã được bổ sung để đáp ứng số lượng học sinh ngày càng tăng cùng nhu cầu chương trình đa dạng. Chúng tôi có mười tòa nhà di động dùng làm phòng học cho mỗi tiết học vào tất cả các ngày đi học.

Ngoài ra, cơ sở tòa nhà mới nhất của chúng tôi là tòa nhà 100, mới được hoàn thành vào mùa xuân năm 2015. Tòa nhà 100 bao gồm phòng nghệ thuật, phòng máy tính, phòng học chung và phòng học thí nghiệm khoa học, cùng tủ trưng bày dọc hành lang.

### Dự án Hiện đại hoá

Trong năm học 2016 – 2017, Dự luật Công khổ Phiếu E địa phương, quỹ đối ứng của tiểu bang và Quỹ Sửa chữa Khẩn cấp đã được dùng để cải tạo và sửa chữa các cơ sở vật chất hiện tại.

Sân trong chính được cải tạo để cung cấp chỗ ngồi, khu vực thuyết trình lớn, bóng râm và khu vực học tập theo thiết kế hiện đại, dự kiến hoàn thành vào tháng Mười Hai năm 2017. Cửa sổ ở phòng thể dục chính được thay mới, còn khung cửa sổ ban đầu sẽ được sửa chữa. Các sân bóng rổ ngoài trời đang được cải tạo, các sân bóng chuyền mới sẽ được lắp đặt ở gần phòng thể dục chính. Mái nhà của những tòa nhà sau đây đã được cải tạo và thay mới: Tòa nhà D (căng tin và Khán phòng), Tòa nhà K (Văn phòng Cố vấn), phòng để đồ của nam, phòng để đồ của nữ, phòng thể dục bé, phòng thể dục chính, tòa nhà 200, 300, 400 và 500. Một dự án đã hoàn thiện khác là việc lắp đặt các thiết bị HVAC mới ở Tòa nhà K, 200, 400 và 500.

### Năm và tháng của báo cáo FIT gần nhất:

Tháng Mười năm 2022

Hệ Thống Được Kiểm Tra	Tốc độ Tốt	Tốc độ Bình thường	Tốc độ Không Tốt	Công Việc Sửa Chữa Cần Thiết và Hành Động Đã hoặc Dự Định Thực Hiện
<b>Hệ thống:</b> Rò rỉ Ga, Cơ khí/Hệ thống Sưởi, thông gió và điều hòa không khí (HVAC), Cống rãnh	X			
<b>Bên trong:</b> Các Bề Mặt Bên trong		X		Vách thạch cao và gạch trần nhà ở một vài khu vực bị hư hỏng.

**Tình Trạng Cơ Sở Vật Chất của Trường và Kế Hoạch Cải Tiến**

<b>Sạch Sẻ:</b> Sự Sạch Sẻ Tổng Quát, Sự Quấy Phá Của Chuột Bọ/Sâu Mọt	X			
<b>Điện</b>	X			
<b>Phòng Vệ Sinh/Vòi Nước Máy:</b> Phòng Vệ Sinh, Bồn Rửa/Vòi Nước Máy	X			Một vách ngăn phòng vệ sinh bị rỉ sét và thiếu bồn tiểu.
<b>Bảo vệ:</b> An Toàn Hỏa Hoạn, Vật Liệu Nguy Hiểm	X			Một bình chữa cháy bị tắc.
<b>Cấu Trúc:</b> Thiệt Hại về Cấu Trúc, Mái Nhà	X			
<b>Bên Ngoài:</b> Sân Chơi/Sân Trường, Cửa Sổ/Cửa Ra Vào/Cổng/Hàng Rào	X			

**Tỷ lệ cơ sở vật chất tổng thể**

Hoàn hảo	Tốt	Bình thường	Không Tốt
	X		



## B. Các Kết Quả Của Học Sinh:

### Ưu tiên của Tiểu bang: Ưu tiên của Tiểu bang

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Thành Tích Học Tập của Học Sinh (Ưu Tiên 4):

#### Các đánh giá của tiểu bang

(tức là, Hệ Thống Thẩm Định Thành Tích Học Tập và Tiến Bộ của Học Sinh tại California [CAASPP], bao gồm Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cho học sinh trong nhóm giáo dục phổ thông và Thẩm Định Thay Thế của California [CAAs] cho văn chương Anh Ngữ/Đọc Viết [ELA] và môn toán được tổ chức từ lớp ba tới lớp tám và lớp mười một. Chỉ các học sinh hội đủ điều kiện có thể tham gia dự thi CAAs. Các mục của CAAs phải phù hợp với các tiêu chuẩn thành tích học tập thay thế, được liên kết với các Tiêu Chuẩn Cốt Lõi Chung của Tiểu Bang [CCSS] cho học sinh bị khuyết tật nhận thức nặng).

Hệ thống CAASPP bao gồm các đánh giá và yêu cầu về sự tham gia của học sinh như sau:

1. **Các bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn và CAA đối với môn ELA** cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11.
2. **Các bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn và CAA đối với môn Toán** cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11.
3. **Bài Kiểm Tra Khoa học California (CAST) và CAA đối với môn Khoa học** cho học sinh lớp năm, lớp tám và một lần ở trường trung học (tức lớp 10, 11 hoặc 12).
4. **Sẵn sàng cho Đại học và Nghề nghiệp**  
Phần trăm học sinh đã hoàn tất thành công các khóa học đáp ứng các yêu cầu vào Trường Đại Học California (University of California) và Trường Đại Học Tiểu Bang California (California State University), hoặc các khoá kỹ thuật học nghề hoặc chương trình học tập.

#### Báo cáo SARC trong năm học 2020 – 2021

Trong trường hợp có lựa chọn khả thi nhất, LEA phải thực hiện bài đánh giá tổng kết toàn tiểu bang cho môn ELA và Toán. Trong trường hợp đánh giá tổng kết trên toàn tiểu bang không phải là lựa chọn khả thi nhất cho LEA (hoặc cho một hoặc nhiều cấp lớp trong LEA) do tình hình dịch bệnh, LEA được phép báo cáo kết quả từ một kỳ thi đánh giá khác đáp ứng các tiêu chí do Ủy ban Giáo dục Tiểu bang (SBE) thiết lập vào ngày 16 tháng 3 năm 2021. Các kỳ thi đánh giá phải:

- Phù hợp với Tiêu chuẩn cốt lõi chung của bang California cho môn ELA và Toán;
- Dành cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11; và
- Được quản lý thống nhất trên một cấp lớp, khoảng lớp, trường học hoặc khu học chánh đối với tất cả các học sinh đủ điều kiện.

#### Tùy chọn

Lưu ý rằng các kỳ thi đánh giá thay thế của bang California (CAA) chỉ có thể được thực hiện trực tiếp tuân theo các yêu cầu về sức khỏe và an toàn. Nếu LEA không thể thực hiện CAA trực tiếp với các hướng dẫn về sức khỏe và an toàn tại địa điểm thi, LEA được phép không thực hiện các bài kiểm tra. Không có tùy chọn đánh giá nào khác cho CAA. Các trường thực hiện bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn cho môn ELA và Toán, các bài đánh giá khác đáp ứng các tiêu chí trong SBE hoặc kết hợp cả hai, và chỉ có thể chọn một trong những tùy chọn sau:

- Các bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn môn ELA và Toán;
- Các bài đánh giá khác đáp ứng các tiêu chí trong SBE; hoặc
- Kết hợp cả bài Đánh giá tổng kết cân bằng thông minh hơn môn ELA và Toán và các bài đánh giá khác.

Phần trăm học sinh đã hoàn tất thành công các khóa học đáp ứng các yêu cầu vào Trường Đại Học California (University of California) và Trường Đại Học Tiểu Bang California (California State University), hoặc các khoá kỹ thuật học nghề hoặc chương trình học tập.

## Phần trăm học sinh đạt điểm ở mức Khá hoặc Giỏi trong CAASPP

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP cho môn ELA và Toán của tất cả học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11 đã tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang thực hiện.

Các ô dữ liệu năm học 2020 – 21 có giá trị N/A vì những dữ liệu này không thể so sánh với dữ liệu năm khác do đại dịch COVID-19 trong suốt năm học 2020 – 21. Trong trường hợp các kỳ thi CAASPP môn ELA và/hoặc Toán không phải là tùy chọn khả thi nhất, LEA được phép thực hiện các kỳ thi đánh giá nội bộ. Dữ liệu năm học 2020 – 21 trong dữ liệu các năm của trường, học khu và tiểu bang không phải không thích hợp để so sánh. Do đó việc so sánh kết quả của năm học 2020 – 21 với các năm học khác là không phù hợp.

Tỷ lệ phần trăm không được tính khi số học sinh đi thi là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Kết quả kỳ thi ELA và môn toán bao gồm Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn và CAA. “Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đáp ứng hoặc vượt qua tiêu chuẩn của Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cộng với tổng số học sinh đáp ứng tiêu chuẩn (tức là Lớp 3-Thay thế đã đạt được) của CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai thẩm định.

Môn học	Trường 2020-21	Trường 2021-22	Học khu 2020-21	Học khu 2021-22	Tiểu bang 2020-21	Tiểu bang 2021-22
<b>Văn Chương Anh Ngữ/Đọc Viết</b> (lớp 3-8 và lớp 11)	Không có thông tin	48	Không có thông tin	58	Không có thông tin	47
<b>Toán</b> (lớp 3-8 và lớp 11)	Không có thông tin	16	Không có thông tin	34	Không có thông tin	33

## 2021-22 Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong ELA theo Nhóm Học Sinh

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP môn ELA theo nhóm học sinh cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11 đã tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang thực hiện.

Kết quả kỳ thi ELA bao gồm Thảm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn và CAA. “Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đáp ứng hoặc vượt qua tiêu chuẩn của Thảm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cộng với tổng số học sinh đáp ứng tiêu chuẩn (tức là Lớp 3-Thay thế đã đạt được) của CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai thảm định.

Hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Số học sinh đi thi bao gồm tất cả các học sinh tham gia kỳ thi bất kể có nhận được điểm số hay không; tuy nhiên số học sinh đi thi không phải là số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích. Chỉ các học sinh có điểm số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích.

CAASPP Nhóm Học sinh	CAASPP Tổng Ghi danh	CAASPP Số Đi thi	CAASPP Phần trăm Đi thi	CAASPP Phần trăm không Đi thi	CAASPP Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
<b>Bất kỳ học sinh</b>	429	372	86.71	13.29	48.12
<b>Nữ</b>	235	209	88.94	11.06	51.67
<b>Nam</b>	194	163	84.02	15.98	43.56
<b>Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa</b>	--	--	--	--	--
<b>Người gốc Châu Á</b>	128	121	94.53	5.47	59.50
<b>Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi</b>	--	--	--	--	--
<b>Người Phi Luật Tân</b>	19	18	94.74	5.26	55.56
<b>Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh</b>	260	213	81.92	18.08	38.97
<b>Người Hawaii hoặc Người Các Đảo Thái Bình</b>	--	--	--	--	--
<b>Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc</b>	--	--	--	--	--
<b>Người Da trắng</b>	--	--	--	--	--
<b>Sinh viên nói tiếng anh</b>	137	114	83.21	16.79	6.14
<b>Những đứa con nuôi</b>	--	--	--	--	--
<b>Vô gia cư</b>	32	29	90.63	9.37	20.69
<b>Quốc phòng</b>	0	0	0.00	0.00	0.00
<b>Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn</b>	237	198	83.54	16.46	46.97
<b>Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành</b>	0	0	0.00	0.00	0.00
<b>Học sinh khuyết tật</b>	59	47	79.66	20.34	8.51

## Kết quả kỳ thi CAASPP môn Toán theo nhóm học sinh năm học 2021 – 2022

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP Môn Toán theo nhóm học sinh cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và lớp 11 đã tham gia và hoàn thành bài đánh giá do tiểu bang thực hiện

Kết quả kỳ thi môn toán bao gồm Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn và CAA. “Phần Trăm Đáp Ứng hoặc Vượt Qua” được tính bằng cách lấy tổng số học sinh đáp ứng hoặc vượt qua tiêu chuẩn của Thẩm Định Tổng Kết Cân Bằng Thông Minh Hơn cộng với tổng số học sinh đáp ứng tiêu chuẩn (tức là Lớp 3-Thay thế đã đạt được) của CAA chia cho tổng số học sinh tham gia cả hai thẩm định.

Hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Số học sinh đi thi bao gồm tất cả các học sinh tham gia kỳ thi bất kể có nhận được điểm số hay không; tuy nhiên số học sinh đi thi không phải là số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích. Chỉ các học sinh có điểm số được dùng để tính phần trăm cấp thành tích.

CAASPP Nhóm Học sinh	CAASPP Tổng Ghi danh	CAASPP Số Đi thi	CAASPP Phần trăm Đi thi	CAASPP Phần trăm không Đi thi	CAASPP Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
<b>Bất kỳ học sinh</b>	429	369	86.01	13.99	16.26
<b>Nữ</b>	235	208	88.51	11.49	15.87
<b>Nam</b>	194	161	82.99	17.01	16.77
<b>Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa</b>	--	--	--	--	--
<b>Người gốc Châu Á</b>	128	120	93.75	6.25	30.83
<b>Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi</b>	--	--	--	--	--
<b>Người Phi Luật Tân</b>	19	18	94.74	5.26	22.22
<b>Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh</b>	261	213	81.61	18.39	7.04
<b>Người Hawaii hoặc Người Các Đảo Thái Bình</b>	--	--	--	--	--
<b>Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc</b>	--	--	--	--	--
<b>Người Da trắng</b>	--	--	--	--	--
<b>Sinh viên nói tiếng anh</b>	138	117	84.78	15.22	4.27
<b>Những đứa con nuôi</b>	--	--	--	--	--
<b>Vô gia cư</b>	32	27	84.38	15.62	0.00
<b>Quốc phòng</b>	0	0	0.00	0.00	0.00
<b>Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn</b>	237	195	82.28	17.72	16.92
<b>Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành</b>	0	0	0.00	0.00	0.00
<b>Học sinh khuyết tật</b>	59	47	79.66	20.34	0.00

## Kết Quả Kỳ Thi CAASPP trong Khoa Học cho Tất Cả Các Học Sinh

Bảng này cho biết phần trăm học sinh lớp 5, 8 và học sinh trung học đạt điểm ở mức Khá hoặc Giỏi.

Các ô dữ liệu năm học 2020 – 2021 có giá trị N/T thể hiện rằng trường này không sử dụng kỳ thi CAASPP môn Khoa học để đánh giá học sinh.

Môn học	Trường 2020-21	Trường 2021-22	Học khu 2020-21	Học khu 2021-22	Tiểu bang 2020-21	Tiểu bang 2021-22
<b>Khoa học</b> (lớp 5, lớp 8 và Trung học phổ thông)	NT	15.62	NT	37.64	28.5	29.47

## Kết quả kỳ thi CAASPP môn Khoa học theo nhóm học sinh năm học 2021 – 2022

Bảng này cho biết kết quả kỳ thi CAASPP môn ELA theo nhóm học sinh cho học sinh từ lớp 3 đến lớp 8 và học sinh trung học. Hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Nhóm Học sinh	Tổng Ghi danh	Số Đi thi	Phần trăm Đi thi	Phần trăm không Đi thi	Phần trăm Đáp ứng hoặc Vượt qua
<b>Bất kỳ học sinh</b>	882	653	74.04	25.96	15.62
<b>Nữ</b>	455	330	72.53	27.47	14.24
<b>Nam</b>	426	322	75.59	24.41	17.08
<b>Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa</b>	--	--	--	--	--
<b>Người gốc Châu Á</b>	317	220	69.4	30.6	24.09
<b>Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi</b>	21	17	80.95	19.05	5.88
<b>Người Phi Luật Tân</b>	30	24	80	20	25
<b>Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh</b>	484	368	76.03	23.97	9.78
<b>Người Hawai hoặc Người Các Đảo Thái Bình</b>	--	--	--	--	--
<b>Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc</b>	--	--	--	--	--
<b>Người Da trắng</b>	13	9	69.23	30.77	--
<b>Sinh viên nói tiếng anh</b>	272	220	80.88	19.12	0.45
<b>Những đứa con nuôi</b>	--	--	--	--	--
<b>Vô gia cư</b>	67	46	68.66	31.34	6.52
<b>Quốc phòng</b>	0	0	0	0	0
<b>Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn</b>	477	343	71.91	28.09	13.7
<b>Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành</b>	--	--	--	--	--
<b>Học sinh khuyết tật</b>	119	97	81.51	18.49	2.06

## Chương trình Giáo dục Nghề nghiệp và Kỹ thuật năm học 2021 – 2022

Trường trung học phổ thông của chúng tôi cung cấp cho các em các khóa học để hỗ trợ học sinh sẵn sàng bước chân vào thị trường việc làm. Tất cả học sinh đều có thể tham gia các khóa học giáo dục nghề nghiệp và kỹ thuật (CTE, tiền thân là dạy nghề). Đại diện chính của ủy ban cố vấn CTE của học khu chúng ta là Timothy Nguyen. Ông Timothy làm việc với các đại diện ở những ngành: Nghệ thuật, truyền thông và giải trí, xây dựng và thương mại xây dựng, kinh doanh và tài chính, giáo dục, phát triển của trẻ và dịch vụ gia đình, kỹ sư và kiến trúc, khoa học sức khỏe và công nghệ sinh học, khách sạn, du lịch và giải trí, tiếp thị bán hàng và dịch vụ, dịch vụ công và giao thông vận tải.

Các chương trình của Andrew Hill đều được tổ chức vào những ngày đi học, thay thế một môn học kiến thức cốt lõi, môn tự chọn hay môn học bổ sung, học sau giờ học và kết hợp với một trường đại học cộng đồng của địa phương. Nhiều khóa học được tích hợp vào các học viện có quy mô lớn hơn, với nhóm các giáo viên thường xuyên họp mặt để đánh giá tiến bộ của học sinh và đưa ra hỗ trợ cho những học sinh đang gặp khó khăn, cũng như đánh giá sự tiến bộ của các em thông qua chương trình.

Khóa học/Chương trình bao gồm:

Sức khỏe và Dịch vụ Nhân sinh  
Dự bị Khoa học Sức khỏe  
Các Yếu tố của Nghề điều dưỡng  
Nhân viên Nhà thuốc  
Thuật ngữ Y khoa  
Trợ lý Điều dưỡng được chứng nhận  
Sức khỏe Cá nhân và Cộng đồng

Đa phương tiện:

Đa phương tiện 1  
Đa phương tiện 2  
Ảnh kỹ thuật số 1  
Đa phương tiện 3

Gia đình và Khoa học tiêu dùng:

Dinh dưỡng/Sức khỏe/Thực phẩm  
Âm thực Quốc tế  
Giáo dục Mầm non

Ngoài ra, học sinh còn có thể đăng ký các khóa học ở Trung tâm Giáo dục Nghề nghiệp và Kỹ thuật Silicon Valley (SVCTEC). Ở đây, các em có thể ghi danh vào nhiều chương trình, bao gồm nhưng không giới hạn ở, Khoa học Pháp y, Công nghệ Thú y và Sửa chữa ô-tô.

Kết quả có thể đo lường được của chúng tôi bao gồm điểm số của học sinh, tỷ lệ được nhận vào trường đại học, điểm Kiểm tra Tiêu chuẩn của California (CST), điểm Liên đoàn Thẩm định Quân bình Thông minh hơn (SBAC), tỷ lệ đậu Kỳ thi Tốt nghiệp Trung học Phổ thông của California (CAHSEE), tỷ lệ giữ chân học sinh, tỷ lệ tốt nghiệp và tính đủ điều kiện các môn A – G. Những yếu tố này được phối trí viên chương trình đánh giá hàng năm để xác định mức độ thành công của chương trình.

## Tham gia chương trình Giáo dục Nghề nghiệp và Kỹ thuật (CTE) năm học 2021 – 2022

Tiêu chuẩn Đo lường	Tham gia Chương trình CTE
Số Học Sinh Tham Gia CTE	759
Phần trăm học sinh hoàn tất một Chương trình CTE và có bằng tốt nghiệp trung học	87.6
Phần trăm khóa học CTE được sắp xếp theo trình tự hoặc chuyển tiếp giữa trường học và các cơ sở giáo dục sau trung học cơ sở	

## Ghi danh khóa học/hoàn thành

Bảng này cho biết việc ghi danh khóa học/hoàn thành các yêu cầu nhập học của Đại học California (UC) và/hoặc Đại học Bang California (CSU).

Tiêu Chuẩn Đo Lường Khóa Học UC/CSU	Phần trăm
Các Học sinh Năm học 2021 – 2022 Ghi danh vào Các Khóa học Bắt buộc để Vào UC/CSU	97.48
Các Học sinh Tốt nghiệp Năm học 2020 – 2021 Đã Hoàn thành Tất cả Các Khóa học Bắt buộc để Vào UC/CSU	34.85

## B. Các Kết Quả Của Học Sinh:

### Ưu tiên của Tiểu bang: Kết Quả Học Tập Khác của Học Sinh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Kết quả Học Tập Khác của Học Sinh (Ưu Tiên 8): Kết quả học tập của học sinh trong lĩnh vực môn học giáo dục thể chất.

## Kết quả kiểm tra thể chất bang California năm học 2021 – 2022

Bảng này trình bày tỷ lệ phần trăm học sinh tham gia vào từng thành phần trong năm thành phần thể chất của Kết quả kiểm tra thể chất bang California. Do những thay đổi đối với công tác quản lý PFT năm học 2021 – 2022, chỉ cần có kết quả tham gia cho năm lĩnh vực thể chất này. Tỷ lệ phần trăm không được tính toán và hai dấu gạch ngang (--) xuất hiện trong bảng khi số học sinh là mười em trở xuống, vì số học sinh trong hạng mục này quá nhỏ không thể chính xác được về thống kê hoặc để bảo vệ quyền riêng tư của học sinh.

Cấp lớp	Thành phần 1: Năng lực hiếu khí	Thành phần 2: Sức mạnh thô và sức bền của cơ bụng	Thành phần 3: Chuyển động uốn thân mình về sau, Sức mạnh thô và sức dẻo dai	Thành phần 4: Sức mạnh thô và sức bền của thân trên	Thành phần 5: Sức dẻo dai
Lớp 5	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
Lớp 7	N/A	N/A	N/A	N/A	N/A
Lớp 9	82%	85%	72%	83%	84%

## C. Tham Gia

### Ưu tiên của Tiểu bang: Sự Tham Gia của Phụ Huynh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Sự Tham Gia của Phụ Huynh (Ưu Tiên 3): Các nỗ lực của học khu nhằm tìm kiếm ý kiến đóng góp từ phía phụ huynh trong việc đưa ra quyết định cho học khu và mỗi địa điểm trường.

## Cơ hội tham gia của phụ huynh năm học 2022 – 2023

Andrew P Hill có Chuyên viên Gắn kết Phụ huynh và Cộng đồng – Cô Rita Luna và Cô Yen Napolitan để chủ động hỗ trợ các vị phụ huynh và tất cả các bên liên quan ở trong môi trường học tập của chúng tôi. Cả Cô Luna và Cô Napolitan đều tổ chức nhiều nhóm phụ huynh gặp mặt hàng tháng, chẳng hạn như Ủy ban Cố vấn Học viên Tiếng Anh (ELAC), Cà phê cùng Hiệu trưởng và Ủy ban Tái xét Chuyên cần (ARC). Cả hai chuyên viên đều hỗ trợ Phòng Cố vấn trong việc cung cấp tổng cộng 5 buổi “Hội thảo về Điểm số trong Kỳ đánh giá” vào buổi tối và buổi sáng cho tất cả phụ huynh. Cô Luna và Cô Napolitan cũng tổ chức Hội thảo Phụ huynh thứ Bảy (08:45 – 09:45 sáng) trong 7 ngày được chọn cho toàn bộ năm học 2022 – 2023. Phụ huynh có thể gặp cả hai cô ở C-106 hoặc gọi cho Cô Luna theo số (408) 347-4294 và Cô Napolitan theo số (408) 347-4174.

## Cơ hội tham gia của phụ huynh năm học 2022 – 2023

Andrew P. Hill cam kết luôn thu hút phụ huynh tham gia vào quá trình đưa ra quyết định tại cơ sở nhà trường. Hội đồng Cơ sở Trường học Andrew Hill là cơ quan quản trị chính của nhà trường. Hội đồng bao gồm phụ huynh, thành viên cộng đồng, học sinh, nhân viên hành chính, nhân viên được chứng nhận và nhân viên được phân loại. Cơ quan này chịu trách nhiệm phân bổ nguồn tài trợ cho từng mục tiêu nhất định tại cơ sở nhà trường, phù hợp với mục tiêu của nhà trường như được xác định trong Kế hoạch Duy nhất cho Thành tích của Học sinh. Chức năng chính của Hội đồng là hỗ trợ những học sinh bị thiệt thòi về mặt kinh tế xã hội, học sinh có nhu cầu đặc biệt và Học viên Tiếng Anh tại cơ sở nhà trường. Đầu mối liên hệ của hội đồng là Hiệu trưởng nhà trường, theo số điện thoại (408) 347-4110.

Ủy ban Cố vấn Học viên Tiếng Anh (ELAC) là một cơ quan quản trị khác, gồm phụ huynh và học sinh được bầu để hỗ trợ Học viên Tiếng Anh ở cơ sở nhà trường. Cha mẹ của Học viên Tiếng Anh gặp gỡ mỗi tháng một lần để trao đổi về nhiều chủ đề liên quan đến quyết định giáo dục của tiểu bang, học khu và cơ sở giảng dạy. Các cuộc gặp này được chính Chuyên viên Gắn kết Phụ huynh và Cộng đồng tổ chức và chủ trì. Cô Rita Luna hỗ trợ phụ huynh nói Tiếng Tây Ban Nha và Cô Yen Napolitan hỗ trợ phụ huynh nói Tiếng Việt. Đầu mối liên hệ của tổ chức này là Hiệu phó nhà trường, APED Monica Schneider theo số (408) 347-4130.

### C. Tham Gia

#### Ưu tiên của Tiểu bang: Sự Tham Gia của Học Sinh

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Sự Tham Gia của Học Sinh (Ưu Tiên 5):

- Tỷ lệ học sinh trung học phổ thông bỏ học;
- Tỷ lệ tốt nghiệp trung học; và
- Vắng mặt Kéo dài

### Tỷ Lệ Bỏ Học và Tỷ Lệ Tốt Nghiệp (Tỷ Lệ Đoàn Hệ Bốn Năm)

Chỉ báo	Trung học 2019-20	Trung học 2020-21	Trung học 2021-22	Học khu 2019-20	Học khu 2020-21	Học khu 2021-22	Tiểu bang 2019-20	Tiểu bang 2020-21	Tiểu bang 2021-22
<b>Tỷ Lệ Bỏ Học</b>		11	14.3		14.5	13.6		8.9	7.8
<b>Tỷ Lệ Tốt Nghiệp</b>		84.2	80.5		78.4	81.5		84.2	87



## Tỷ lệ tốt nghiệp theo nhóm học sinh (tỷ lệ theo niên khóa bốn năm) năm học 2021 – 2022

Bảng này cho biết tỷ lệ tốt nghiệp theo nhóm học sinh năm học 2021 – 2022. Để biết thông tin về Tỷ lệ tốt nghiệp theo niên khóa bốn năm đã điều chỉnh (ACGR), vui lòng truy cập trang web Tỷ lệ tốt nghiệp theo niên khóa đã điều chỉnh của CDE tại [www.cde.ca.gov/ds/ad/acgrinfo.asp](http://www.cde.ca.gov/ds/ad/acgrinfo.asp).

Nhóm Học sinh	Số trong niên khóa	Số tốt nghiệp trong niên khóa	Tỷ lệ tốt nghiệp Tỷ Lệ Tốt Nghiệp
Bất kỳ học sinh	467	376	80.5
Nữ	229	191	83.4
Nam	238	185	77.7
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	--	--	--
Người gốc Châu Á	188	167	88.8
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	12	9	75.0
Người Phi Luật Tân	11	10	90.9
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	238	176	73.9
Người Hawai hoặc Người Các Đảo Thái Bình	--	--	--
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	--	--	--
Người Da trắng	--	--	--
Sinh viên nói tiếng anh	165	109	66.1
Những đứa con nuôi	--	--	--
Vô gia cư	57	36	63.2
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	393	309	78.6
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành cho	--	--	--
Học sinh khuyết tật	62	46	74.2

## Tình trạng vắng mặt thường xuyên theo nhóm học sinh năm học 2021 – 2022

Nhóm Học sinh	Ghi danh tích lũy	Vắng mặt thường xuyên đủ điều kiện ghi danh	Số lần vắng mặt	Tỷ lệ vắng mặt kinh niên
Bất kỳ học sinh	1956	1912	526	27.5
Nữ	967	942	261	27.7
Nam	988	969	265	27.3
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	4	4	2	50.0
Người gốc Châu Á	558	552	61	11.1
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	45	44	11	25.0
Người Phi Luật Tân	66	64	10	15.6
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	1203	1174	415	35.3
Người Hawai hoặc Người Các Đảo Thái Bình	9	7	4	57.1
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	22	21	8	38.1
Người Da trắng	46	44	15	34.1
Sinh viên nói tiếng anh	672	657	187	28.5
Những đứa con nuôi	8	8	5	62.5
Vô gia cư	163	155	47	30.3
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	1357	1330	404	30.4
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành	7	7	5	71.4
Học sinh khuyết tật	260	251	109	43.4

### C. Tham Gia

#### Ưu tiên của Tiểu bang: Không Khí Nhà Trường

SARC cung cấp thông tin sau đây liên quan đến ưu tiên của Tiểu Bang: Không Khí Nhà Trường (Ưu Tiên 6):

- Tỷ lệ học sinh bị đình chỉ;
- Tỷ lệ học sinh bị đuổi học; và
- Các tiêu chuẩn đo lường khác của địa phương về cảm giác an toàn.

## Đình Chỉ và Đuổi Học

Bảng này cho biết dữ liệu về việc đình chỉ và buộc thôi học được thu thập từ tháng 7 năm trước đến tháng 2 năm sau, một phần của năm học do đại dịch COVID-19. Các dữ liệu về tỷ lệ bị đình chỉ và buộc thôi học không được so sánh với dữ liệu của các năm khác do năm học 2019 – 20 chỉ diễn ra một phần vì dịch COVID-19. Do đó, việc so sánh tỷ lệ bị đình chỉ và buộc thôi học trong năm học 2019 – 20 với các năm trước là không phù hợp.

Môn học	Trường 2019-20	Học khu 2019-20	Tiểu bang 2019-20
Đình chỉ	3.14	2.87	2.45
Đuổi học	0.10	0.03	0.05

Bảng này cho biết dữ liệu về việc đình chỉ và buộc thôi học được thu thập từ tháng 7 năm trước đến tháng 6 năm sau, tương ứng với một năm học.

Dữ liệu được thu thập trong năm học 2020 – 2021 sẽ không so sánh được với những năm học trước do sự khác biệt trong phương thức học tập để đối phó với đại dịch COVID-19.

Môn học	Trường 2020-21	Trường 2021-22	Học khu 2020-21	Học khu 2021-22	Tiểu bang 2020-21	Tiểu bang 2021-22
Đình chỉ	0.00	5.06	0.03	3.41	0.20	3.17
Đuổi học	0.00	0.05	0.00	0.08	0.00	0.07

## Tình trạng đình chỉ và buộc thôi học theo nhóm học sinh năm học 2021 – 2022

Nhóm Học sinh	Tỷ lệ Học sinh Bị đình chỉ	Tỷ lệ Học sinh Bị đuổi học
Bất kỳ học sinh	5.06	0.05
Nữ	3.93	0.00
Nam	6.17	0.10
Người Mỹ Bản Địa hoặc Người Alaska Bản Địa	0.00	0.00
Người gốc Châu Á	1.25	0.00
Người Da Đen hoặc Người Mỹ Gốc Phi	4.44	0.00
Người Phi Luật Tân	4.55	0.00
Người gốc Tây Ban Nha hoặc La tinh	6.82	0.08
Người Hawai hoặc Người Các Đảo Thái Bình Dương	0.00	0.00
Người mang Hai hoặc Nhiều Chủng tộc	4.55	0.00
Người Da trắng	4.35	0.00
Sinh viên nói tiếng anh	6.25	0.15
Những đứa con nuôi	0.00	0.00
Vô gia cư	7.98	0.00
Người có Hoàn cảnh Kinh tế Xã hội Khó khăn	5.97	0.07
Học Sinh Được Nhận Dịch Vụ Giáo Dục dành cho Di Dân	0.00	0.00
Học sinh khuyết tật	8.08	0.38

## Kế hoạch đảm bảo an toàn trong trường học năm học 2022 – 2023

Kế hoạch An toàn Nhà trường 2022 – 2023 do Ủy ban Đội đặc trách An toàn thiết kế đã được Hội đồng Cơ sở Trường học và Hội đồng Chương quản East Side Union High School District xem xét và phê duyệt.

Kế hoạch an toàn là toàn diện, có thể thực thi và có tính liên tục: Quy trình cho chính sách Hành vi, Quy tắc và quy định, Quy trình diễn tập an toàn/khẩn cấp, chính sách Đi muộn, chính sách Chuyên cần, quy trình Giới thiệu phù hợp với Chính sách của East Side Union High School District. Kế hoạch cũng bao gồm những mục tiêu an toàn hàng năm do học sinh, nhân viên và phụ huynh xác định. Kế hoạch An toàn Nhà trường 2022 – 2023 có những mục tiêu sau:

- 1) Trước tháng Một năm 2023, 100% nhân viên sẽ báo cáo các vụ bắt nạt, quấy rối mà họ đã quan sát được hoặc nắm được thông tin.
- 2) Trước tháng Một năm 2023, giảm 10% số lượng các vụ việc liên quan đến sử dụng ma túy, thuốc là và rượu trước, sau hoặc trong ngày học.
- 3) Trước tháng Một năm 2023, số lượng vụ việc liên quan đến Bộ luật Giáo dục (EC) 48900 (k) (làm gián đoạn hoạt động của nhà trường hoặc cố ý thách thức cơ quan có thẩm quyền) sẽ giảm 20%.

Kế hoạch nêu rõ giao thức, hệ thống và quy trình nếu xảy ra bất kỳ/tất cả các trường hợp khẩn cấp. Kế hoạch An toàn và quy trình diễn tập được tái xét trong năm học với toàn bộ nhân viên. Tất cả các buổi diễn tập được hoàn thành hai lần mỗi năm và kết quả được chia sẻ với nhân viên. Trong suốt năm học, cảnh báo an toàn được chia sẻ với toàn bộ nhân viên khi cần. Một chuông điện tử và hệ thống báo động mới đã được lắp đặt, cho phép nhân viên nhà trường chia sẻ cảnh báo an toàn nhanh nhất có thể.

Thành viên của Ủy ban Đặc trách An toàn tham dự các buổi họp Lực lượng Đặc nhiệm Phòng chống Băng đảng và An toàn Khu vực 8 được tổ chức hàng tháng. Các buổi họp này mang cho chúng tôi thêm các cơ hội để tìm kiếm và điều phối những dịch vụ hỗ trợ bổ sung cho các học sinh. Buổi họp có sự góp mặt của các đại diện từ các cơ quan cộng đồng và các trường phụ trợ địa phương. Tổ chức Dựa trên Cộng đồng như New Hope (Hy vọng mới) đã mang lại những hỗ trợ hàng ngày, tương tác với học sinh và các cập nhật từ năm học 2021 – 2022.

Đội ngũ nhân viên của chúng tôi luôn cam kết hỗ trợ học sinh ở mọi khía cạnh. Vậy nên, chúng tôi tiếp tục cung cấp những dịch vụ hỗ trợ nằm ngoài lĩnh vực học thuật. Các tài nguyên Đa dịch vụ dành cho Học sinh của chúng tôi được điều phối bởi một nhân viên bảo trợ xã hội có giấy phép hành nghề, làm việc toàn thời gian. East Side Union High School District có tuyển một vị trí Nhân viên Bảo trợ Xã hội toàn thời gian nữa bắt đầu từ năm học 2022 – 23. Chúng tôi cũng có mối quan hệ đối tác với Santa Clara County Office of Education (Văn phòng Giáo dục Quận Santa Clara) để cùng các tổ chức cộng đồng bên ngoài mang đến Wellness and Mental Health Center (Trung tâm Sức khỏe Tâm thần và Sức khỏe chung) cho học sinh từ năm học 2021 – 2022. Các loại dịch vụ được cung cấp phản ánh nhu cầu của tập thể học sinh hiện tại và hoàn toàn miễn phí.

## 2019-20 Trung Học Cơ Sở Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Số Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2019-20. Cột “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Ở cấp trung học cơ sở, thông tin này được báo cáo theo lĩnh vực môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Trung Bình Trung bình lớp*	Số lớp có 1-22 học sinh	Số lớp có 23-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Văn Chương Anh Ngữ	26	23	62	1
Toán	26	19	24	24
Khoa học	27	13	34	13
Khoa học Xã hội	27	13	33	18

## 2020-21 Trung Học Cơ Sở Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Số Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2020 – 2021. Cột “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Ở cấp trung học cơ sở, thông tin này được báo cáo theo lĩnh vực môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Trung Bình Trung bình lớp*	Số lớp có 1-22 học sinh	Số lớp có 23-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Văn Chương Anh Ngữ	24	35	54	3
Toán	25	22	31	17
Khoa học	26	18	38	5
Khoa học Xã hội	26	17	30	16

## 2021-22 Trung Học Cơ Sở Sĩ Số Trung Bình Trong Lớp và Phân Bố Số Học Sinh

Bảng này cho biết phân bố sĩ số và sĩ số trung bình của lớp học trong năm học 2021-22. Cột “Số lớp” cho biết có bao nhiêu lớp trong mỗi hạng mục sĩ số (phạm vi tổng số học sinh trong mỗi lớp). Ở cấp trung học cơ sở, thông tin này được báo cáo theo lĩnh vực môn học thay vì theo cấp lớp.

Môn học	Trung Bình Trung bình lớp*	Số lớp có 1-22 học sinh	Số lớp có 23-32 học sinh	Số lớp có hơn 33 học sinh
Văn Chương Anh Ngữ	24	33	49	5
Toán	25	20	33	11
Khoa học	25	19	35	4
Khoa học Xã hội	25	22	24	19

## Tỷ lệ học sinh cho mỗi Giáo viên chủ nhiệm năm học 2021 – 2022

Bảng này cho biết tỷ lệ học sinh được phân cho mỗi Giáo viên chủ nhiệm. Một đơn vị Tương đương Toàn Thời Gian (FTE) bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian.

Chức vụ	Tỷ lệ
Học sinh cho mỗi Giáo viên chủ nhiệm	446.25

## Nhân viên hỗ trợ học sinh năm học 2021 – 2022

Bảng này cho biết số lượng nhân viên hỗ trợ FTE được chỉ định cho trường. Một đơn vị Tương đương Toàn Thời Gian (FTE) bằng với một nhân viên làm việc toàn thời gian; một FTE cũng có thể là hai nhân viên, trong đó mỗi người đảm trách công việc bằng 50 phần trăm công việc toàn thời gian.

Chức vụ	Số FTE được chỉ định cho Trường
Cố Vấn (Phát Triển Giao Tiếp/Hành Vi hoặc Nghề Nghiệp)	4.0
Giáo Viên Truyền Thông Thư Viện (Thủ Thư)	0.4
Nhân Viên Dịch Vụ Truyền Thông Thư Viện (Bán Chuyên)	
Nhà Tâm Lý Học	
Nhân viên Xã hội	1.0
Chuyên Gia về Phát Âm/Ngôn Ngữ/Thính Giác	
Chuyên Gia Nguồn Lực (không giảng dạy)	
Khác	11.6

## Chi tiêu cho mỗi học sinh và lương giáo viên năm học 2020 – 2021

Bảng này cho biết chi tiêu cho mỗi học sinh và lương giáo viên trung bình năm học 2020 – 2021 của trường. Không cần điền dữ liệu vào các ô ghi giá trị Không có thông tin.

Loại	Tổng Chi Phí Cho Mỗi Học Sinh	Chi Phí Cho Mỗi Học Sinh (Giới Hạn)	Trong Dự Trù Ngân Sách Mỗi Học Sinh (Không Giới Hạn)	Lương Trung bình Của Giáo Viên
Tên trường	\$10,881	\$2,508	\$8,373	\$102,810
Học khu	Không có thông tin	Không có thông tin	\$7,916	\$100,753
Mức Chênh Lệch Tính Theo Phần Trăm: Địa	Không có thông tin	Không có thông tin	5.6	2.0
Tiểu bang	Không có thông tin	Không có thông tin	\$6,594	\$94,126
Mức Chênh Lệch Tính Theo Phần Trăm: Địa	Không có thông tin	Không có thông tin	23.8	8.8

## Các loại dịch vụ được tài trợ năm học 2021 – 2022

### Wellness and Mental Health Center

Cung cấp hỗ trợ về mặt cảm xúc xã hội và hỗ trợ sức khỏe tâm thần cho tất cả học sinh, ở phòng 403. Tất cả học sinh đều được chào đón và có thể tự giới thiệu hoặc được nhân viên nhà trường giới thiệu đến nhận dịch vụ. Các dịch vụ bao gồm các phiên trị liệu nhóm hoặc cá nhân, do thực tập sinh bảo trợ xã hội hoặc tổ chức dựa trên cộng đồng thực hiện.

### Văn phòng Phát triển Chuyên môn IB

Hỗ trợ giáo viên Andrew Hill trong việc triển khai hiệu quả các chiến lược giảng dạy dựa trên nghiên cứu trong lớp học cho Chương trình Văn bằng Tú tài Quốc tế (DP) và Chương trình cấp Trung học (MYP). Giáo viên có cơ hội được hợp tác để điều chỉnh việc giảng dạy, thông qua Cách tiếp cận Dạy và Học của IB. Các phương pháp giảng dạy của sê-ri này chú trọng vào Tiêu chuẩn của California về Nghề giáo để Quản lý Lớp học và Tạo ra Môi trường Lớp học Hiệu quả.

### Bồi dưỡng và An toàn cho Thiếu niên sau giờ học (ASSET)

## Các loại dịch vụ được tài trợ năm học 2021 – 2022

Học sinh được quyền tiếp cận hơn 25 khoá học/hoạt động khác nhau, sau giờ học từ thứ Hai-thứ Sáu. Một lựa chọn phổ biến là Hill Academy (Học viện Hill), hoạt động vào các ngày thứ Hai, thứ Ba và thứ Tư hàng tuần, cho phép học sinh được học gia sư (bạn bè đồng lứa/người lớn) và được dùng máy tính Chromebook, đồ dùng học tập, máy in, v.v. Học sinh cũng có thể tham gia Tập thể hình sau giờ học để hỗ trợ các lớp Thể dục (PE) của mình. Hơn 150 học sinh tham gia vào một trong các hoạt động sau giờ học mỗi ngày.

**Chương trình Tiếp cận Đại học (Trung tâm Đại học & Nghề nghiệp)**

Hai Chương trình Tiếp cận Đại học California mang lại hỗ trợ cho học sinh AHHS thông qua Chương trình Quân đoàn Cổ vấn cho Đích đến Đại học (DCAC) của Đại học California (UC) Berkeley và Chương trình Cơ hội và Tiếp cận cho Sinh viên California (Cal-SOAP) của UC Santa Cruz. Chương trình mới được triển khai năm nay là Chương trình Tiếp cận Đại học 10,000 Văn bằng Mỗi chương trình đều có một nhóm cụ thể học sinh ở mỗi khối lớp, nhưng tất cả học sinh AHHS đều có thể tham gia các hoạt động. Cả ba chương trình đều ở C-108.

**FAST (Người theo đuổi Khoa học và Công nghệ Tương lai)**

Sinh viên tốt nghiệp Đại học Stanford tình nguyện dành thời gian của mình vào một số ngày thứ Bảy cụ thể để cố vấn và hỗ trợ 100 học sinh AHHS khám phá khoa học. Học sinh AHHS xác định một chủ đề hoặc vấn đề mình muốn nghiên cứu, khám phá và làm việc để hiểu thông qua khoa học và/hoặc công nghệ. Học sinh chia sẻ thành quả của mình ở triển lãm khoa học của học khu, một số em còn được tham gia triển lãm Khoa học của Quận. Hai dự án đã vào đến triển lãm khoa học tiểu bang và một dự án vào đến triển lãm khoa học quốc gia.

**HOSA (Sinh viên Hoa Kỳ muốn theo đuổi Nghề nghiệp Sức khoẻ)**

Học sinh Chuyên Y khoa của AHHS tham gia vào các hoạt động và cuộc thi HOSA cấp tiểu bang được tổ chức vào tháng Ba hàng năm. Học sinh HOSA được cấp lịch các hoạt động để giúp các em chuẩn bị cho các vòng thi cấp tiểu bang. Từ vòng thi HOSA cấp tiểu bang, học sinh tiến vào vòng thi HOSA cấp quốc gia nếu có thể.

**Therapeutic Classroom (TC) Support Center (Trung tâm Hỗ trợ Lớp học Trị liệu)**

Cung cấp hỗ trợ về cảm xúc, xã hội cho học sinh tham gia Chương trình Giáo dục TC (TC/ED) dựa trên nhu cầu xử lý của cá nhân các em. Trung tâm sẽ chú trọng vào việc giảm tình trạng leo thang của một vấn đề và tăng thời gian xử lý cho từng cá nhân học sinh. Các dịch vụ bao gồm các phiên trị liệu nhóm hoặc cá nhân, do Nhân viên Bảo trợ Xã hội TC/ED và/hoặc thực tập sinh Bảo trợ Xã hội thực hiện.

**Chương trình Bữa tối Sau giờ học**

Dịch vụ Thực phẩm cung cấp một bữa ăn miễn phí cho bất kỳ học sinh nào có nhu cầu trong giờ ngay sau tiết học cuối cùng. Bất kỳ học sinh nào ở lại trường để làm dự án, làm bài tập về nhà, họp câu lạc bộ và tham gia các trung tâm nêu trên đều đủ điều kiện ăn miễn phí.

-----

## Lương giáo viên và nhân viên hành chính năm học 2020 – 2021

Bảng này cho biết mức lương giáo viên và nhân viên hành chính năm học 2020 – 2021. Để biết thông tin chi tiết về mức lương, xem trang Mạng về Lương Bổng & Quyền Lợi Được Xác Nhận của CDE tại <http://www.cde.ca.gov/ds/fd/cs/>.

Hạng mục	Học khu Học Khu	Mức Trung Bình của Tiểu Bang Dành Cho các Học Khu Trong Cùng Hạng Mục
Lương Khởi Điểm của Giáo Viên	\$61,991	\$55,947
Mức Lương Trung Bình của Giáo Viên	\$97,975	\$90,080
Mức Lương Cao Nhất của Giáo Viên	\$125,613	\$117,121
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Tiểu Học)		
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Trung Học Cơ Sở)		\$146,364
Mức Lương Trung Bình của Hiệu Trưởng (Trung Học)	\$158,501	\$164,633
Mức Lương của Giám Đốc Học Khu	\$292,671	\$261,984
Phần Trăm Ngân Sách dành để Trả Lương Giáo Viên	34%	31%
Phần Trăm Ngân Sách dành để Trả Lương Nhân Viên Hành Chính	3%	5%

## Khóa học cho Lớp nâng cao (AP) năm học 2021 – 2022

Bảng này cho biết phần trăm học sinh trong các khóa học AP tại trường.

<b>Phần Trăm Học Sinh Tham Gia các Khóa Học AP</b>	6
--	---

Bảng này cho biết số lượng các khóa học AP được cung cấp tại trường có ít nhất một học sinh đăng ký khóa học.

Môn học	Số Các Khóa Học AP được Cung Cấp
Khoa Học Máy Tính	1
Tiếng Anh	0
Mỹ thuật và Nghệ Thuật Trình Diễn	0
Ngoại ngữ	2
Toán	1
Khoa học	0
Khoa học Xã hội	1
<b>Tổng số khóa học AP đã cung cấp</b> Trường hợp có tối thiểu một học sinh đăng ký khóa học.	5



## Phát triển Chuyên môn

Andrew P. Hill High School đã áp dụng khoảng thời gian 90 phút Phát triển Chuyên môn cùng khoảng thời gian 1 tiếng hợp tác mỗi tuần để nhân viên có thể chú tâm vào phân tích dữ liệu, các bài học chung và chiến lược giảng dạy. Khoảng thời gian Phát triển Chuyên môn (PD) đã tăng từ 12 ngày ở năm học 2017 – 18 đến 40 ngày ở năm học 2022 – 2023. Andrew P. Hill đã dùng khoảng thời gian PD này để tạo ra những bài học chung cho tất cả các lớp khối 9 và khối 10, như một phần của Chương trình IB cấp Trung học. Các bài học MYP chung này đều chú trọng vào việc phát triển Cách tiếp cận Kỹ năng Học tập (ATL) mà học sinh sẽ cần trên hành trang học hỏi suốt cuộc đời: kỹ năng giao tiếp, tự quản lý, xã hội, nghiên cứu và tư duy. Nhân viên đã dùng khoảng thời gian này để thiết lập kỳ vọng chung trên toàn trường và những kỹ năng phổ biến được sử dụng trong Chương trình IB cấp Trung học. Chương trình IB cấp Trung học được chọn lựa là trọng tâm chủ chốt, dựa trên dữ liệu không tương xứng được thu thập từ Chương trình Văn bằng IB hiện có của khối 11 và 12. Khoảng thời gian PD này đã tận dụng đa dạng các phương pháp giảng dạy, từ bộ phận, nhóm theo chủ đề, nhóm theo cấp độ lớp học, người thuyết trình cho cả hội nghị và gia sư cá nhân. Ở cuối mỗi kỳ học, chúng tôi lại dành thời gian để chia sẻ thông qua triển lãm trưng bày hoặc các hình thức khác về dữ liệu học sinh từ các bài học chung, để toàn bộ nhân viên và Phối trí viên IB đưa ra phản hồi cho các bài học chung.

Khoảng thời gian 1 tiếng được duy trì xuyên suốt, với 28 ngày ở năm học 2017 – 2018 và 25 ngày ở năm học 2022 – 2023. Nhân viên tham gia cuộc họp hợp tác luân phiên, kéo dài 1 tiếng vào thứ Năm hàng tuần. Cuộc họp có sự tham gia của toàn bộ nhân viên, các bộ phận và lộ trình/chương trình. Trọng tâm chương trình ở mỗi loại cuộc họp sẽ tùy thuộc vào các nhu cầu nhóm do Quản trị viên, Người đứng đầu bộ phận và Phối trí viên lộ trình xác định. Phát triển chuyên môn được thực hiện bằng nhiều cách thức, từ nhóm bộ phận, nhóm chủ đề, nhóm lộ trình và hội thảo, tùy theo chủ đề hay nhu cầu. Hỗ trợ trong giai đoạn triển khai được cung cấp theo hình thức hỗ trợ ngang hàng đối với khu vực trọng tâm của bộ phận và lộ trình, cũng như họp giữa bộ phận hành chánh và nhân viên khi cần thiết. Một phần thời gian được dành riêng cho việc phân tích dữ liệu tổng hợp, chẳng hạn như điểm số trong kỳ đánh giá, bài học chung và khu vực trọng tâm cụ thể của đơn vị học tập/dự án.

Bảng này cho biết số ngày đến trường dành riêng cho sự phát triển và tiến bộ không ngừng của nhân viên.

Môn học	2020-21	2021-22	2022-23
<b>Số ngày trong năm học được dành cho việc Phát Triển và Nâng cao Chuyên Môn Thường Xuyên</b>	34	46	40